

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17-01-2025

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Tú.

Bà Hoàng Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXX-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị X, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị X trình bày:

Chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn C tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau từ năm 2013, không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã. Trước khi về chung sống, chị X và anh C được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau vẫn hạnh phúc, cho đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh C có quan hệ ngoại tình với người khác, chị X đã khuyên bảo anh C để cùng nhau nuôi dạy con nhưng không được, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng. Chị Hoàng

Thị X và anh Nguyễn Văn C đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Hoàng Thị X yêu cầu được ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 27/3/2014, hiện nay đang ở cùng với anh C. Chị Hoàng Thị X yêu cầu anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Hoàng Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa trình bày:

Anh Nguyễn Văn C và chị Hoàng Thị X được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau từ năm 2013, tuy nhiên khi đó anh C và chị X chưa đủ tuổi nên không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã. Trước khi về chung sống với nhau, anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng vẫn sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2019, hai người phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Anh C và chị X đã tìm cách hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Anh C và chị X đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Nguyễn Văn C đồng ý ly hôn, không công nhận vợ chồng với chị Hoàng Thị X.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 27/3/2014, hiện nay đang ở cùng với anh C. Anh Nguyễn Văn C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng. Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 27/3/2014. Đề nghị công nhận sự

thoả thuận của các đương sự anh Nguyễn Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Hoàng Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Hoàng Thị X khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Làng Lầu, xã N, huyện B. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn Chung C sống với nhau và có tổ chức cưới hỏi theo tập quán của địa phương từ năm 2013. Chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn C đều thống nhất cho rằng vợ chồng anh chị chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn C là bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Mặc dù chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn C không có đăng ký kết hôn nhưng đã chung sống với nhau như vợ chồng trong nhiều năm. Quá trình chung sống đến năm 2019 hai anh chị có xảy ra mâu thuẫn và cũng đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa, tại phiên tòa chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn C cũng xác định không còn tình cảm để tiếp tục chung sống. Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B. Kết quả xác minh, đại diện Ủy ban nhân dân xã N, huyện B cho biết qua kiểm tra sổ Đăng ký kết hôn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B từ trước đến nay, không có trường hợp đăng ký kết hôn của chị Hoàng Thị X với anh Nguyễn Văn C. Do chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn C sống chung với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định và đã sinh được một người con chung. Do vậy, yêu cầu của chị Hoàng Thị X là có căn cứ chấp nhận nên Hội đồng xét xử không công nhận chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng.

[3] Theo khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày luật này có hiệu lực pháp luật thì áp dụng Luật hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày*

03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này (Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000) thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; ... Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định trên và khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, không công nhận chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng.

[4] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, thu thập tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn C đều trình bày có một người con chung tên là Nguyễn Thị T, sinh ngày 27/3/2014, hiện nay cháu Nguyễn Thị T đang ở cùng với anh C. Anh Nguyễn Văn C, chị Hoàng Thị X tự thoả thuận, anh Nguyễn Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành, chị Hoàng Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị T nên cần công nhận sự thoả thuận của các đương sự. Anh Nguyễn Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị T đến khi trưởng thành, chị Hoàng Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn C trình bày là không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn C trình bày là không có. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Hoàng Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 7 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 14; Điều 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 24; điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Hoàng Thị X và anh Nguyễn Văn C. Anh Nguyễn Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thị T, sinh ngày 27/3/2014 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Hoàng Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị Hoàng Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Hoàng Thị X đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004107 ngày 22/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Trường hợp bản án

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị X, bị đơn anh Nguyễn Văn C có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn;
- UBND xã Nhất Tiến, huyện Bắc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Đức

